TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Yên Phụ (1225.60.10)	74 Nguyễn Trường Tộ (1225.60.10.1)	86 Cửa Bắc (1225.60.10.2)	119 Trúc Bạch (1225.60.10.3)	14 Ngũ Xã (1225.60.10.4)	16 Nguyễn Khắc Nhu (1225.60.10.5)	55 Phạm Hồng Thái (1225.60.10.6)	60 Nghĩa Dũng (1225.60.10.7)	104 Tân Ấp (1225.60.10.8)
1	Mùi	*Không có mùi lạ*	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
2	Màu sắc	*15*	TCU	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)
3	Độ đục	*2*	NTU	<0.10	<0.10	<0.10	0.22	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	0.131
4	pH	*6.0-8.5*	mg/l	7.4	7.35	7.36	7.36	7.37	7.33	7.38	7.35	7.33
5	Amoni	*1*	mg/l	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)
6	Nitrit	*0.9*	mg/l	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	<0.04	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	<0.04
7	Nitrat	*11*	mg/l	1	0.9	1	0.3	0.4	0.4	0.5	0.4	0.4
8	Clorua (Cl-)	*250*	mg/l	29.83	31.53	29.49	30.51	29.83	31.19	30.51	31.19	32.54
9	Độ cứng, tính theo CaCO3	*300*	mg/l	205	215	208	214	219	219	219	240	207
10	Sắt	*0.3*	mg/l	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	<0.05	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	<0.05	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)
11	Mangan (Mn)	*0.1*	CFU/100ml	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034
12	Asen (Arsenic)	*0.01*	CFU/100ml	0.0065	0.0081	0.0072	0.0075	0.0074	0.0058	0.0069	0.0073	0.0075
13	Coliforms	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	E.coli	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tụ cầu vàng	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	TKMX	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Clo dư tự do	*0.2-1.0*	mg/L	0.47	0.23	0.28	0.21	0.29	0.22	0.2	0.25	0.27
18	Chỉ số pecmanganat	≤ 2	mg/L	< 1,50	< 1,50	< 1,50	< 1,50	< 1,50	< 1,50	< 1,50	< 1,50	< 1,50
19	Antimon (Sb)	≤ 0,02	mg/L	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)
20	Bari (Ba)	≤ 1,3	mg/L	0,089	0,095	0,097	0,089	0,094	0,101	0,095	0,101	0,101
21	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	≤ 2,4	mg/L	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)
22	Cadmi (Cd)	≤ 0,003	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
23	Chì (Plumbum) (Pb)	≤ 0,01	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
24	Chromi (Cr)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
25	Đồng (Cuprum) (Cu)	≤ 1	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
26	Fluor (F)	≤ 1,5	mg/L	0,215	0,246	0,221	0,233	0,221	0,200	0,223	0,227	0,243
27	Kẽm (Zincum) (Zn)	≤ 2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	< 0,030	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
28	Natri (Na)	≤ 200	mg/L	16,4	17,9	18,0	17,0	17,7	18,5	17,8	18,6	19,1
29	Nhôm (Aluminium) (Al)	≤ 0,2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
30	Nickel (Ni)	≤ 0,07	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Yên Phụ (1225.60.10)	74 Nguyễn Trường Tộ (1225.60.10.1)	86 Cửa Bắc (1225.60.10.2)	119 Trúc Bạch (1225.60.10.3)	14 Ngũ Xã (1225.60.10.4)	16 Nguyễn Khắc Nhu (1225.60.10.5)	55 Phạm Hồng Thái (1225.60.10.6)	60 Nghĩa Dũng (1225.60.10.7)	104 Tân Ấp (1225.60.10.8)
31	Seleni (Se)	≤ 0,04	mg/L	< 0,003	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	< 0,003	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
32	Sunphat	≤ 250	mg/L	11,3	11,8	11,7	10,9	11,2	11,7	11,5	11,9	11,8
33	Sunfua	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)
34	Thuỷ ngân (Hydrargyrum) (Hg)	≤ 0,001	mg/L	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	≤ 1000	mg/L	247	264	260	255	260	265	259	269	269
36	Xyanua (CN^-)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)
37	1,1,1 – Tricloroetan	≤ 2000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
38	1,2 – Dicloroetan	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
39	1,2 – Dicloroeten	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
40	Cacbontetraclorua	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
41	Diclorometan	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
42	Tetracloroeten	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
43	Tricloroeten	≤ 8	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
44	Vinyl clorua	≤ 0,3	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
45	Benzen	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
46	Etylbenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
47	Pentachlorophenol	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
48	Styren	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
49	Toluen	≤ 700	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
50	Xylen	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
51	1,2 – Diclorobenzen	≤ 1000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
52	Monoclorobenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
53	Tổng Triclorobenzen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
54	Acrylamide	≤ 0,5	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
55	Epiclohydrin	≤ 0,4	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
56	Hexacloro butadien	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
57	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
58	1,2 – Dicloropropan	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
59	1,3 – Dichloropropen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
60	2,4 – D	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
61	2,4 – DB	≤ 90	µg/L	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)
62	Alachlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
63	Aldicarb	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Yên Phụ (1225.60.10)	74 Nguyễn Trường Tộ (1225.60.10.1)	86 Cửa Bắc (1225.60.10.2)	119 Trúc Bạch (1225.60.10.3)	14 Ngũ Xã (1225.60.10.4)	16 Nguyễn Khắc Nhu (1225.60.10.5)	55 Phạm Hồng Thái (1225.60.10.6)	60 Nghĩa Dũng (1225.60.10.7)	104 Tân Ấp (1225.60.10.8)
65	Carbofuran	≤ 5	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
66	Chlorpyrifos	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
67	Clodane	≤ 0,2	µg/L	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)
68	Clorotoluron	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
69	Cyanazine	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)
70	DDT và các dẫn xuất	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)
71	Dichlorprop	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)
72	Fenoprop	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)
73	Hydroxyatrazine	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
74	Isoproturon	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
75	MCPA	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)
76	Mecoprop	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
77	Methoxychlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
78	Molinate	≤ 6	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
79	Pendimethalin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
80	Permethrin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
81	Propanil	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
82	Simazine	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)
83	Trifluralin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
84	2,4,6 – Triclorophenol	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
85	Bromat	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)
86	Bromodichloromethane	≤ 60	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
87	Bromoform	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
88	Chloroform	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
89	Dibromoacetonitrile	≤ 70	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
90	Dibromochloromethane	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
91	Dichloroacetonitrile	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
92	Dichloroacetic acid	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
93	Formaldehyde	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)
94	Monochloramine	≤ 3000	µg/L	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)
95	Monochloroacetic acid	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
96	Trichloroacetic acid	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
97	Trichloroaxetonitril	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	≤ 0,1	Bq/L	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	≤ 1,0	Bq/L	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Ngô Sĩ Liên (1225.60.3)	79B Nguyễn Khuyến - Bệnh viện Da liễu (1225.60.3.1)	16B Nguyễn Như Đỗ - Bệnh viện Hồng Hà (1225.60.3.2)	97/46 ngõ Thịnh Quang (1225.60.3.3)	19 Lương Sử C (1225.60.3.4)	147 Hào Nam (1225.60.3.5)	34A Cát Linh (1225.60.3.6)	Bơm II Mai Dịch (1225.60.1)	102 phố Mai Dịch (1225.60.1.1)	Số 1 Phạm Thận Duật (1225.60.1.2)	Số 7 ngõ Viện máy Phạm Văn Đồng (1225.60.1.3)
1	Mùi	*Không có mùi lạ*	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
2	Màu sắc	*15*	TCU	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)
3	Độ đục	*2*	NTU	<0.10	<0.10	0.249	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10
4	pH	*6.0-8.5*	mg/l	7.31	7.32	7.36	7.42	7.39	7.28	7.29	7.22	7.22	7.42	7.29
5	Amoni	*1*	mg/l	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	<0.16	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)
6	Nitrit	*0.9*	mg/l	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	0.08	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)
7	Nitrat	*11*	mg/l	0.5	0.6	0.6	0.5	0.5	0.5	0.5	0.7	0.5	0.4	0.4
8	Clorua (Cl-)	*250*	mg/l	22.03	22.03	20	22.03	21.02	21.36	21.36	22.37	22.03	6.1	22.03
9	Độ cứng, tính theo CaCO3	*300*	mg/l	151	153	148	151	159	148	153	146	159	102	145
10	Sắt	*0.3*	mg/l	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	<0.05	KPH (LOD=0.01)	<0.05	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)
11	Mangan (Mn)	*0.1*	CFU/100ml	<0.0034	0.0093	0.0084	0.0091	0.0092	0.0088	0.0088	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034
12	Asen (Arsenic)	*0.01*	CFU/100ml	0.0083	0.0084	0.0081	0.0083	0.0078	0.0081	0.0097	0.0097	0.0064	0.0069	0.0097
13	Coliforms	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	E.coli	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tụ cầu vàng	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	TKMX	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Clo dư tự do	*0.2-1.0*	mg/L	0.59	0.45	0.35	0.3	0.4	0.31	0.33	0.65	0.44	0.34	0.46
18	Chỉ số pecmanganat	≤ 2	mg/L	1,68	1,76	1,68	1,82	1,69	1,79	1,84	1,63	1,72	1,60	1,72
19	Antimon (Sb)	≤ 0,02	mg/L	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)
20	Bari (Ba)	≤ 1,3	mg/L	0,055	0,059	0,057	0,058	0,057	< 0,030	0,058	< 0,030	< 0,030	0,042	< 0,030
21	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	≤ 2,4	mg/L	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)
22	Cadmi (Cd)	≤ 0,003	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
23	Chì (Plumbum) (Pb)	≤ 0,01	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
24	Chromi (Cr)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
25	Đồng (Cuprum) (Cu)	≤ 1	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
26	Fluor (F)	≤ 1,5	mg/L	0,354	0,321	0,370	0,366	0,377	0,262	0,356	0,297	0,283	0,249	0,235
27	Kẽm (Zincum) (Zn)	≤ 2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	0,035	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	< 0,030	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
28	Natri (Na)	≤ 200	mg/L	18,7	19,2	19,0	19,1	18,5	6,12	18,8	22,0	22,1	4,37	22,2
29	Nhôm (Aluminium) (Al)	≤ 0,2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	0,034	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	0,051	< 0,030
30	Nickel (Ni)	≤ 0,07	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Ngô Sĩ Liên (1225.60.3)	79B Nguyễn Khuyến - Bệnh viện Da liễu (1225.60.3.1)	16B Nguyễn Như Đỗ - Bệnh viện Hồng Hà (1225.60.3.2)	97/46 ngõ Thịnh Quang (1225.60.3.3)	19 Lương Sử C (1225.60.3.4)	147 Hảo Nam (1225.60.3.5)	34A Cát Linh (1225.60.3.6)	Bơm II Mai Dịch (1225.60.1)	102 phố Mai Dịch (1225.60.1.1)	Số 1 Phạm Thận Duật (1225.60.1.2)	Số 7 ngõ Viện máy Phạm Văn Đồng (1225.60.1.3)
31	Seleni (Se)	≤ 0,04	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
32	Sunphat	≤ 250	mg/L	7,44	7,46	7,47	7,29	7,57	6,49	7,22	9,39	9,83	11,2	9,71
33	Sunfua	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)
34	Thuỷ ngân (Hydrargyrum) (Hg)	≤ 0,001	mg/L	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	≤ 1000	mg/L	125	125	125	125	125	112	125	197	198	112	197
36	Xyanua (CN^-)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)
37	1,1,1 – Tricloroetan	≤ 2000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
38	1,2 – Dicloroetan	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
39	1,2 – Dicloroeten	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
40	Cacbontetraclorua	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
41	Diclorometan	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
42	Tetracloroeten	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
43	Tricloroeten	≤ 8	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
44	Vinyl clorua	≤ 0,3	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
45	Benzen	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
46	Etylbenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
47	Pentachlorophenol	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
48	Styren	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
49	Toluen	≤ 700	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
50	Xylen	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
51	1,2 – Diclorobenzen	≤ 1000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
52	Monoclorobenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
53	Tổng Triclorobenzen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
54	Acrylamide	≤ 0,5	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
55	Epiclohydrin	≤ 0,4	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
56	Hexacloro butadien	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
57	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
58	1,2 – Dicloropropan	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
59	1,3 – Dichloropropen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
60	2,4 – D	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
61	2,4 – DB	≤ 90	µg/L	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)
62	Alachlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
63	Aldicarb	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Ngô Sĩ Liên (1225.60.3)	79B Nguyễn Khuyến - Bệnh viện Da liễu (1225.60.3.1)	16B Nguyễn Như Đỗ - Bệnh viện Hồng Hà (1225.60.3.2)	97/46 ngõ Thịnh Quang (1225.60.3.3)	19 Lương Sử C (1225.60.3.4)	147 Hào Nam (1225.60.3.5)	34A Cát Linh (1225.60.3.6)	Bơm II Mai Dịch (1225.60.1)	102 phố Mai Dịch (1225.60.1.1)	Số 1 Phạm Thận Duật (1225.60.1.2)	Số 7 ngõ Viện máy Phạm Văn Đồng (1225.60.1.3)
65	Carbofuran	≤ 5	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
66	Chlorpyrifos	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
67	Clodane	≤ 0,2	µg/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)
68	Clorotoluron	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
69	Cyanazine	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
70	DDT và các dẫn xuất	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)
71	Dichlorprop	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)
72	Fenoprop	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
73	Hydroxyatrazine	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
74	Isoproturon	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
75	MCPA	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)
76	Mecoprop	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
77	Methoxychlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
78	Molinate	≤ 6	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
79	Pendimethalin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
80	Permethrin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
81	Propanil	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
82	Simazine	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)
83	Trifluralin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
84	2,4,6 – Triclorophenol	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
85	Bromat	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)
86	Bromodichloromethane	≤ 60	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
87	Bromoform	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
88	Chloroform	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
89	Dibromoacetonitrile	≤ 70	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
90	Dibromochloromethane	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
91	Dichloroacetonitrile	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
92	Dichloroacetic acid	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
93	Formaldehyde	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)
94	Monochloramine	≤ 3000	µg/L	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	1323	KPH (GHPH = 50,0)	< 150	KPH (GHPH = 50,0)
95	Monochloroacetic acid	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
96	Trichloroacetic acid	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
97	Trichloroaxetonitril	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	≤ 0,1	Bq/L	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	≤ 1,0	Bq/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	120 Hồ Tùng Mậu (1225.60.1.4)	Nguồn thành phố cấp Goldmark City (1225.60.1.5)	Số 1 Hồ Tùng Mậu (1225.60.1.6)	Bơm II Cáo Đỉnh (1225.60.4)	Số 2/408 Xuân Đỉnh (1225.60.4.1)	THCS Xuân La (1225.60.4.2)	375 Xuân Đỉnh (1225.60.4.3)	394 Xuân Đỉnh (1225.60.4.4)	266 Xuân Đỉnh (1225.60.4.5)	Số 6 ngõ 107 Xuân Đỉnh (1225.60.4.6)
1	Mùi	*Không có mùi lạ*	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
2	Màu sắc	*15*	TCU	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)
3	Độ đục	*2*	NTU	<0.10	0.117	0.241	<0.10	<0.10	<0.10	0.122	0.469	<0.10	<0.10
4	pH	*6.0-8.5*	mg/l	7.33	7.47	7.3	7.11	7.21	7.05	7.1	7.12	7.09	7.21
5	Amoni	*1*	mg/l	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)
6	Nitrit	*0.9*	mg/l	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)
7	Nitrat	*11*	mg/l	0.5	0.4	0.4	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.4
8	Clorua (Cl-)	*250*	mg/l	22.03	23.05	22.37	7.46	6.78	6.44	7.12	6.78	6.78	6.78
9	Độ cứng, tính theo CaCO3	*300*	mg/l	149	140	142	77	80	83	92	84	84	90
10	Sắt	*0.3*	mg/l	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	<0.05	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)
11	Mangan (Mn)	*0.1*	CFU/100ml	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034
12	Asen (Arsenic)	*0.01*	CFU/100ml	0.0098	0.0095	0.0095	0.0026	0.0027	0.0019	0.003	0.002	0.0013	0.0035
13	Coliforms	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	E.coli	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tụ cầu vàng	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	TKMX	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Clo dư tự do	*0.2-1.0*	mg/L	0.38	0.3	0.34	0.75	0.6	0.52	0.55	0.5	0.48	0.5
18	Chỉ số pecmanganat	≤ 2	mg/L	1,63	1,60	1,66	1,66	1,63	1,68	1,77	1,71	1,82	1,83
19	Antimon (Sb)	≤ 0,02	mg/L	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)
20	Bari (Ba)	≤ 1,3	mg/L	< 0,030	< 0,030	< 0,030	0,041	0,070	0,073	0,072	0,073	0,070	0,070
21	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	≤ 2,4	mg/L	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)
22	Cadmi (Cd)	≤ 0,003	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
23	Chì (Plumbum) (Pb)	≤ 0,01	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
24	Chromi (Cr)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
25	Đồng (Cuprum) (Cu)	≤ 1	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
26	Fluor (F)	≤ 1,5	mg/L	0,295	0,260	0,305	0,304	0,238	0,260	0,242	0,218	0,241	0,228
27	Kẽm (Zincum) (Zn)	≤ 2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	0,030	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
28	Natri (Na)	≤ 200	mg/L	22,5	22,3	22,0	9,16	7,17	7,35	7,52	7,39	7,18	7,36
29	Nhôm (Aluminium) (Al)	≤ 0,2	mg/L	< 0,030	KPH (GHPH = 0,010)	< 0,030	< 0,030	KPH (GHPH = 0,010)	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030
30	Nickel (Ni)	≤ 0,07	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	120 Hồ Tùng Mậu (1225.60.1.4)	Nguồn thành phố cấp Goldmark City (1225.60.1.5)	Số 1 Hồ Tùng Mậu (1225.60.1.6)	Bơm II Cáo Đỉnh (1225.60.4)	Số 2/408 Xuân Đỉnh (1225.60.4.1)	THCS Xuân La (1225.60.4.2)	375 Xuân Đỉnh (1225.60.4.3)	394 Xuân Đỉnh (1225.60.4.4)	266 Xuân Đỉnh (1225.60.4.5)	Số 6 ngõ 107 Xuân Đỉnh (1225.60.4.6)
31	Seleni (Se)	≤ 0,04	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
32	Sunphat	≤ 250	mg/L	9,57	9,88	9,87	7,81	12,9	13,4	15,5	13,2	13,3	15,3
33	Sunfua	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)
34	Thuỷ ngân (Hydrargyrum) (Hg)	≤ 0,001	mg/L	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	≤ 1000	mg/L	198	198	198	170	108	108	120	108	107	119
36	Xyanua (CN^-)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)
37	1,1,1 – Tricloroetan	≤ 2000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
38	1,2 – Dicloroetan	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
39	1,2 – Dicloroeten	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
40	Cacbontetraclorua	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
41	Diclorometan	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
42	Tetracloroeten	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
43	Tricloroeten	≤ 8	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
44	Vinyl clorua	≤ 0,3	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
45	Benzen	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
46	Etylbenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
47	Pentachlorophenol	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
48	Styren	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
49	Toluen	≤ 700	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
50	Xylen	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
51	1,2 – Diclorobenzen	≤ 1000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
52	Monoclorobenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
53	Tổng Triclorobenzen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
54	Acrylamide	≤ 0,5	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
55	Epiclohydrin	≤ 0,4	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
56	Hexacloro butadien	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
57	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
58	1,2 – Dicloropropan	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
59	1,3 – Dichloropropen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
60	2,4 – D	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
61	2,4 – DB	≤ 90	µg/L	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)
62	Alachlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
63	Aldicarb	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	120 Hồ Tùng Mậu (1225.60.1.4)	Nguồn thành phố cấp Goldmark City (1225.60.1.5)	Số 1 Hồ Tùng Mậu (1225.60.1.6)	Bơm II Cáo Đỉnh (1225.60.4)	Số 2/408 Xuân Đỉnh (1225.60.4.1)	THCS Xuân La (1225.60.4.2)	375 Xuân Đỉnh (1225.60.4.3)	394 Xuân Đỉnh (1225.60.4.4)	266 Xuân Đỉnh (1225.60.4.5)	Số 6 ngõ 107 Xuân Đỉnh (1225.60.4.6)
65	Carbofuran	≤ 5	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
66	Chlorpyrifos	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
67	Clodane	≤ 0,2	µg/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)
68	Clorotoluron	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
69	Cyanazine	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
70	DDT và các dẫn xuất	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)
71	Dichlorprop	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)
72	Fenoprop	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
73	Hydroxyatrazine	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
74	Isoproturon	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
75	MCPA	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)
76	Mecoprop	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
77	Methoxychlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
78	Molinate	≤ 6	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
79	Pendimethalin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
80	Permethrin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
81	Propanil	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
82	Simazine	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)
83	Trifluralin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
84	2,4,6 – Triclorophenol	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
85	Bromat	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)
86	Bromodichloromethane	≤ 60	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
87	Bromoform	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
88	Chloroform	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
89	Dibromoacetonitrile	≤ 70	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
90	Dibromochloromethane	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
91	Dichloroacetonitrile	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
92	Dichloroacetic acid	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
93	Formaldehyde	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)
94	Monochloramine	≤ 3000	µg/L	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	176	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)
95	Monochloroacetic acid	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
96	Trichloroacetic acid	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
97	Trichloroaxetonitril	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	≤ 0,1	Bq/L	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	≤ 1,0	Bq/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Lương Yên 2 (1225.60.5)	Số 3 Lương Yên (1225.60.5.1)	135 Lò Đúc (1225.60.5.2)	Số 1 Yec Xanh (1225.60.5.3)	38A Hàng Chuối (1225.60.5.4)	Bơm II Nam Dư (1225.60.6)	129D Trương Định (1225.60.6.1)	Chung cư Lilama 52 Lĩnh Nam (1225.60.6.2)	Chung cư Ba Hàng 282 Lĩnh Nam (1225.60.6.3)	67A Trương Định (1225.60.6.4)
1	Mùi	*Không có mùi lạ*	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
2	Màu sắc	*15*	TCU	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5
3	Độ đục	*2*	NTU	<0.10	0.257	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	0.14
4	pH	*6.0-8.5*	mg/l	7.71	7.65	7.61	7.54	7.58	7.26	7.26	7.25	7.16	7.46
5	Amoni	*1*	mg/l	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	0.31	0.31	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)
6	Nitrit	*0.9*	mg/l	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	0.05	0.05	<0.04
7	Nitrat	*11*	mg/l	0.4	0.5	0.4	0.4	0.4	1	1.4	0.9	0.7	0.8
8	Clorua (Cl-)	*250*	mg/l	6.78	6.1	6.78	6.44	6.44	18.64	8.47	18.98	18.98	15.59
9	Độ cứng, tính theo CaCO3	*300*	mg/l	105	126	110	111	111	168	93	171	181	183
10	Sắt	*0.3*	mg/l	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	<0.05	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)
11	Mangan (Mn)	*0.1*	CFU/100ml	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	0.0105	0.0123	0.0199	0.0159	0.0122
12	Asen (Arsenic)	*0.01*	CFU/100ml	0.0079	0.0086	0.0079	0.0089	0.0097	0.0079	0.0033	0.0067	0.0062	0.0047
13	Coliforms	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	E.coli	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tụ cầu vàng	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	TKMX	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Clo dư tự do	*0.2-1.0*	mg/L	0.66	0.48	0.42	0.5	0.4	0.55	0.28	0.25	0.29	0.31
18	Chỉ số pecmanganat	≤ 2	mg/L	1,60	1,66	1,57	1,54	1,77	1,80	1,63	1,75	1,66	1,60
19	Antimon (Sb)	≤ 0,02	mg/L	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)
20	Bari (Ba)	≤ 1,3	mg/L	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	0,051	< 0,030	0,045	0,046	0,068
21	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	≤ 2,4	mg/L	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)
22	Cadmi (Cd)	≤ 0,003	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
23	Chì (Plumbum) (Pb)	≤ 0,01	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
24	Chromi (Cr)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
25	Đồng (Cuprum) (Cu)	≤ 1	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
26	Fluor (F)	≤ 1,5	mg/L	0,210	0,219	0,212	0,196	0,203	0,277	0,290	0,319	0,333	0,260
27	Kẽm (Zincum) (Zn)	≤ 2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
28	Natri (Na)	≤ 200	mg/L	5,07	4,45	4,30	4,15	4,21	10,0	7,68	9,87	9,81	7,05
29	Nhôm (Aluminium) (Al)	≤ 0,2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	< 0,030	KPH (GHPH = 0,010)	< 0,030	0,032	KPH (GHPH = 0,010)	0,035	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
30	Nickel (Ni)	≤ 0,07	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Lương Yên 2 (1225.60.5)	Số 3 Lương Yên (1225.60.5.1)	135 Lò Đúc (1225.60.5.2)	Số 1 Yec Xanh (1225.60.5.3)	38A Hàng Chuối (1225.60.5.4)	Bơm II Nam Dư (1225.60.6)	129D Trương Định (1225.60.6.1)	Chung cư Lilama 52 Lĩnh Nam (1225.60.6.2)	Chung cư Ba Hàng 282 Lĩnh Nam (1225.60.6.3)	67A Trương Định (1225.60.6.4)
31	Seleni (Se)	≤ 0,04	mg/L	< 0,003	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
32	Sunphat	≤ 250	mg/L	4,25	4,73	4,92	5,10	5,16	9,01	5,11	9,11	9,34	13,11
33	Sunfua	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)
34	Thuỷ ngân (Hydrargyrum) (Hg)	≤ 0,001	mg/L	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	≤ 1000	mg/L	120	121	123	122	123	197	118	195	195	106
36	Xyanua (CN^-)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)
37	1,1,1 – Tricloroetan	≤ 2000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
38	1,2 – Dicloroetan	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
39	1,2 – Dicloroeten	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
40	Cacbontetraclorua	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
41	Diclorometan	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
42	Tetracloroeten	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
43	Tricloroeten	≤ 8	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
44	Vinyl clorua	≤ 0,3	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
45	Benzen	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
46	Etylbenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
47	Pentachlorophenol	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
48	Styren	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
49	Toluen	≤ 700	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
50	Xylen	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
51	1,2 – Diclorobenzen	≤ 1000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
52	Monoclorobenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
53	Tổng Triclorobenzen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
54	Acrylamide	≤ 0,5	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
55	Epiclohydrin	≤ 0,4	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
56	Hexacloro butadien	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
57	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
58	1,2 – Dicloropropan	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
59	1,3 – Dichloropropen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
60	2,4 – D	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
61	2,4 – DB	≤ 90	µg/L	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)
62	Alachlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
63	Aldicarb	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Lương Yên 2 (1225.60.5)	Số 3 Lương Yên (1225.60.5.1)	135 Lò Đúc (1225.60.5.2)	Số 1 Yec Xanh (1225.60.5.3)	38A Hàng Chuối (1225.60.5.4)	Bơm II Nam Dư (1225.60.6)	129D Trương Định (1225.60.6.1)	Chung cư Lilama 52 Lĩnh Nam (1225.60.6.2)	Chung cư Ba Hàng 282 Lĩnh Nam (1225.60.6.3)	67A Trương Định (1225.60.6.4)
65	Carbofuran	≤ 5	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
66	Chlorpyrifos	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
67	Clodane	≤ 0,2	µg/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)
68	Clorotoluron	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
69	Cyanazine	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
70	DDT và các dẫn xuất	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)
71	Dichlorprop	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)
72	Fenoprop	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
73	Hydroxyatrazine	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
74	Isoproturon	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
75	MCPA	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)
76	Mecoprop	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
77	Methoxychlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
78	Molinate	≤ 6	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
79	Pendimethalin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
80	Permethrin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
81	Propanil	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
82	Simazine	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)
83	Trifluralin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
84	2,4,6 – Triclorophenol	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
85	Bromat	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)
86	Bromodichloromethane	≤ 60	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
87	Bromoform	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
88	Chloroform	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
89	Dibromoacetonitrile	≤ 70	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
90	Dibromochloromethane	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
91	Dichloroacetonitrile	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
92	Dichloroacetic acid	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
93	Formaldehyde	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)
94	Monochloramine	≤ 3000	µg/L	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	995	1744	< 150	161	KPH (GHPH = 50,0)
95	Monochloroacetic acid	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
96	Trichloroacetic acid	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
97	Trichloroaxetonitril	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	≤ 0,1	Bq/L	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	≤ 1,0	Bq/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Chung cư KLB 279 Hoàng Mai (1225.60.6.5)	310 Minh Khai (1225.60.6.6)	Bơm II Tương Mai (1225.60.7)	27/259 Phố Vọng (1225.60.7.1)	103Q5C Nguyễn An Ninh (1225.60.7.2)	Số 5 ngách 389/88/4 Trương Định (1225.60.7.3)	Chung cư 151 Nguyễn Đức Cảnh (1225.60.7.4)	Bơm II Hạ Đình (1225.60.8)	Nguồn thành phố cấp CC Mipec 229 Tây Sơn (1225.60.8.1)	Oriental Tower 324 Tây Sơn (1225.60.8.2)	112D2 Vĩnh Hồ (1225.60.8.3)
1	Mùi	*Không có mùi lạ*	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
2	Màu sắc	*15*	TCU	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5
3	Độ đục	*2*	NTU	0.147	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	0.259	0.704
4	pH	*6.0-8.5*	mg/l	7.24	7.42	7.35	7.21	7.22	7.33	7.21	7.27	7.29	7.27	7.24
5	Amoni	*1*	mg/l	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	0.39	0.23	0.44	KPH (LOD=0.08)	0.47	0.39	0.39	0.39	0.39
6	Nitrit	*0.9*	mg/l	0.05	0.03	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)
7	Nitrat	*11*	mg/l	0.7	0.8	0.4	1.6	1.4	0.6	1.6	2	1.8	2.1	1.9
8	Clorua (Cl-)	*250*	mg/l	18.64	11.86	8.81	8.14	7.8	8.14	8.81	16.61	15.25	16.95	16.27
9	Độ cứng, tính theo CaCO3	*300*	mg/l	160	175	100	100	104	102	104	111	93	98	99
10	Sắt	*0.3*	mg/l	<0.05	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	<0.05	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	<0.05	<0.05
11	Mangan (Mn)	*0.1*	CFU/100ml	0.0145	0.0133	0.0048	0.005	0.0044	0.0039	<0.0034	<0.0034	0.0036	0.0043	0.0036
12	Asen (Arsenic)	*0.01*	CFU/100ml	0.008	0.0072	0.0036	0.0034	0.0036	0.0019	0.0028	0.0055	0.0048	0.0052	0.0041
13	Coliforms	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	E.coli	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tụ cầu vàng	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	TKMX	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Clo dư tự do	*0.2-1.0*	mg/L	0.25	0.28	0.38	0.2	0.25	0.23	0.23	0.41	0.25	0.21	0.28
18	Chỉ số pecmanganat	≤ 2	mg/L	1,72	1,75	1,85	1,77	1,82	1,66	1,74	1,63	1,71	1,76	1,63
19	Antimon (Sb)	≤ 0,02	mg/L	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)
20	Bari (Ba)	≤ 1,3	mg/L	0,047	0,050	< 0,030	< 0,030	< 0,030	0,031	< 0,030	0,034	0,031	< 0,030	< 0,030
21	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	≤ 2,4	mg/L	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)
22	Cadmi (Cd)	≤ 0,003	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
23	Chì (Plumbum) (Pb)	≤ 0,01	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
24	Chromi (Cr)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
25	Đồng (Cuprum) (Cu)	≤ 1	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
26	Fluor (F)	≤ 1,5	mg/L	0,320	0,321	0,276	0,282	0,263	0,235	0,272	0,221	0,252	0,262	0,230
27	Kẽm (Zincum) (Zn)	≤ 2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	0,030	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
28	Natri (Na)	≤ 200	mg/L	9,95	10,04	7,90	7,91	7,61	5,08	7,81	6,52	5,80	6,26	6,09
29	Nhôm (Aluminium) (Al)	≤ 0,2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	0,058	0,055	0,040	0,053
30	Nickel (Ni)	≤ 0,07	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Chung cư KLB 279 Hoàng Mai (1225.60.6.5)	310 Minh Khai (1225.60.6.6)	Bơm II Tương Mai (1225.60.7)	27/259 Phố Vọng (1225.60.7.1)	103Q5C Nguyễn An Ninh (1225.60.7.2)	Số 5 ngách 389/88/4 Trương Định (1225.60.7.3)	Chung cư 151 Nguyễn Đức Cảnh (1225.60.7.4)	Bơm II Hạ Đình (1225.60.8)	Nguồn thành phố cấp CC Mipec 229 Tây Sơn (1225.60.8.1)	Oriental Tower 324 Tây Sơn (1225.60.8.2)	112D2 Vĩnh Hồ (1225.60.8.3)
31	Selenì (Se)	≤ 0,04	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
32	Sunphat	≤ 250	mg/L	9,11	9,34	4,97	4,92	4,98	8,04	5,01	5,15	6,04	5,24	5,75
33	Sunfua	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)
34	Thuỷ ngân (Hydrargyrum) (Hg)	≤ 0,001	mg/L	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	≤ 1000	mg/L	196	202	116	120	116	119	116	113	112	113	113
36	Xyanua (CN^-)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)
37	1,1,1 – Tricloroetan	≤ 2000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
38	1,2 – Dicloroetan	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
39	1,2 – Dicloroeten	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
40	Cacbontetraclorua	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
41	Diclorometan	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
42	Tetracloroeten	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
43	Tricloroeten	≤ 8	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
44	Vinyl clorua	≤ 0,3	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
45	Benzen	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
46	Etylbenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
47	Pentachlorophenol	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
48	Styren	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
49	Toluen	≤ 700	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
50	Xylen	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
51	1,2 – Diclorobenzen	≤ 1000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
52	Monoclorobenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
53	Tổng Triclorobenzen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
54	Acrylamide	≤ 0,5	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
55	Epiclohydrin	≤ 0,4	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
56	Hexacloro butadien	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
57	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
58	1,2 – Dicloropropan	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
59	1,3 – Dichloropropen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
60	2,4 – D	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
61	2,4 – DB	≤ 90	µg/L	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)
62	Alachlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
63	Aldicarb	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Chung cư KLB 279 Hoàng Mai (1225.60.6.5)	310 Minh Khai (1225.60.6.6)	Bơm II Tương Mai (1225.60.7)	27/259 Phố Vọng (1225.60.7.1)	103Q5C Nguyễn An Ninh (1225.60.7.2)	Số 5 ngách 389/88/4 Trương Định (1225.60.7.3)	Chung cư 151 Nguyễn Đức Cảnh (1225.60.7.4)	Bơm II Hạ Đình (1225.60.8)	Nguồn thành phố cấp CC Mipec 229 Tây Sơn (1225.60.8.1)	Oriental Tower 324 Tây Sơn (1225.60.8.2)	112D2 Vĩnh Hồ (1225.60.8.3)
65	Carbofuran	≤ 5	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
66	Chlorpyrifos	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
67	Clodane	≤ 0,2	µg/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)
68	Clorotoluron	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
69	Cyanazine	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
70	DDT và các dẫn xuất	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)
71	Dichlorprop	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)
72	Fenoprop	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
73	Hydroxyatrazine	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
74	Isoproturon	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
75	MCPA	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)
76	Mecoprop	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
77	Methoxychlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
78	Molinate	≤ 6	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
79	Pendimethalin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
80	Permethrin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
81	Propanil	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
82	Simazine	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)
83	Trifluralin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
84	2,4,6 – Triclorophenol	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
85	Bromat	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)
86	Bromodichloromethane	≤ 60	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
87	Bromoform	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
88	Chloroform	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
89	Dibromoacetonitrile	≤ 70	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
90	Dibromochloromethane	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
91	Dichloroacetonitrile	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
92	Dichloroacetic acid	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
93	Formaldehyde	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)
94	Monochloramine	≤ 3000	µg/L	< 150	KPH (GHPH = 50,0)	340	256	< 150	KPH (GHPH = 50,0)	264	2450	2144	2426	2231
95	Monochloroacetic acid	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
96	Trichloroacetic acid	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
97	Trichloroaxetonitril	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	≤ 0,1	Bq/L	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	≤ 1,0	Bq/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Gia Lâm (1225.60.9)	Vinhome Riverdise (1225.60.9.1)	Số 38 ngõ Kẻ Tạnh (1225.60.9.2)	46/124 Nguyễn Lam (1225.60.9.3)	Số 6 phố Kim Quan Thượng (1225.60.9.4)	57 Tân Thụy (1225.60.9.5)	56 Chu Huy Mân (1225.60.9.6)	Bơm II Bắc Thăng Long (1225.60.11)	Chung cư IntraCom (1225.60.11.1)
1	Mùi	*Không có mùi lạ*	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
2	Màu sắc	*15*	TCU	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)
3	Độ đục	*2*	NTU	0.422	0.647	0.354	0.413	0.354	0.382	0.384	<0.10	0.118
4	pH	*6.0-8.5*	mg/l	7.77	7.73	7.7	7.78	7.77	7.79	7.78	7.51	7.52
5	Amoni	*1*	mg/l	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)
6	Nitrit	*0.9*	mg/l	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)
7	Nitrat	*11*	mg/l	0.6	0.7	0.7	0.6	0.6	0.7	0.6	0.5	0.6
8	Clorua (Cl-)	*250*	mg/l	11.72	7.24	7.24	8.28	7.24	7.93	8.97	8.81	5.76
9	Độ cứng, tính theo CaCO3	*300*	mg/l	136	144	148	144	131	159	146	96	106
10	Sắt	*0.3*	mg/l	0.05	0.05	<0.05	<0.05	0.05	0.05	<0.05	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)
11	Mangan (Mn)	*0.1*	CFU/100ml	0.0059	0.0101	0.0102	0.01	0.0102	0.0091	0.009	<0.0034	<0.0034
12	Asen (Arsenic)	*0.01*	CFU/100ml	0.0076	0.0074	0.0089	0.0066	0.0094	0.0094	0.0077	0.001	0.0015
13	Coliforms	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	E.coli	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tụ cầu vàng	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	TKMX	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Clo dư tự do	*0.2-1.0*	mg/L	0.52	0.36	0.3	0.4	0.33	0.41	0.29	0.54	0.23
18	Chỉ số pecmanganat	≤ 2	mg/L	1,90	1,63	1,52	1,65	1,71	1,82	1,70	< 1,50	< 1,50
19	Antimon (Sb)	≤ 0,02	mg/L	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)
20	Bari (Ba)	≤ 1,3	mg/L	0,058	0,069	0,067	0,061	0,066	0,059	0,058	< 0,030	< 0,030
21	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	≤ 2,4	mg/L	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)
22	Cadmi (Cd)	≤ 0,003	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
23	Chì (Plumbum) (Pb)	≤ 0,01	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
24	Chromi (Cr)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
25	Đồng (Cuprum) (Cu)	≤ 1	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
26	Fluor (F)	≤ 1,5	mg/L	0,320	0,287	0,291	0,269	0,267	0,295	0,265	0,177	0,216
27	Kẽm (Zincum) (Zn)	≤ 2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
28	Natri (Na)	≤ 200	mg/L	8,69	7,53	7,27	7,77	7,28	7,80	7,71	3,48	3,35
29	Nhôm (Aluminium) (Al)	≤ 0,2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	0,073	0,079
30	Nickel (Ni)	≤ 0,07	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Gia Lâm (1225.60.9)	Vinhome Riverdise (1225.60.9.1)	Số 38 ngõ Kẻ Tạnh (1225.60.9.2)	46/124 Nguyễn Lam (1225.60.9.3)	Số 6 phố Kim Quan Thượng (1225.60.9.4)	57 Tân Thụy (1225.60.9.5)	56 Chu Huy Mân (1225.60.9.6)	Bơm II Bắc Thăng Long (1225.60.11)	Chung cư IntraCom (1225.60.11.1)
31	Seleni (Se)	≤ 0,04	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	< 0,003	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
32	Sunphat	≤ 250	mg/L	18,9	9,67	9,64	14,4	9,93	14,4	14,3	7,22	7,15
33	Sunfua	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)
34	Thuỷ ngân (Hydrargyrum) (Hg)	≤ 0,001	mg/L	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	≤ 1000	mg/L	138	121	121	121	121	121	121	111	110
36	Xyanua (CN^-)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)
37	1,1,1 – Tricloroetan	≤ 2000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
38	1,2 – Dicloroetan	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
39	1,2 – Dicloroeten	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
40	Cacbontetraclorua	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
41	Diclorometan	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
42	Tetracloroeten	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
43	Tricloroeten	≤ 8	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
44	Vinyl clorua	≤ 0,3	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
45	Benzen	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
46	Etylbenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
47	Pentachlorophenol	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
48	Styren	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
49	Toluen	≤ 700	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
50	Xylen	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
51	1,2 – Diclorobenzen	≤ 1000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
52	Monoclorobenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
53	Tổng Triclorobenzen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
54	Acrylamide	≤ 0,5	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
55	Epiclohydrin	≤ 0,4	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
56	Hexacloro butadien	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
57	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
58	1,2 – Dicloropropan	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
59	1,3 – Dichloropropen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
60	2,4 – D	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
61	2,4 – DB	≤ 90	µg/L	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)
62	Alachlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
63	Aldicarb	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Gia Lâm (1225.60.9)	Vinhome Riverdise (1225.60.9.1)	Số 38 ngõ Kẻ Tạnh (1225.60.9.2)	46/124 Nguyễn Lam (1225.60.9.3)	Số 6 phố Kim Quan Thượng (1225.60.9.4)	57 Tân Thụy (1225.60.9.5)	56 Chu Huy Mân (1225.60.9.6)	Bơm II Bắc Thăng Long (1225.60.11)	Chung cư IntraCom (1225.60.11.1)
65	Carbofuran	≤ 5	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
66	Chlorpyrifos	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
67	Clodane	≤ 0,2	µg/L	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)
68	Clorotoluron	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
69	Cyanazine	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)
70	DDT và các dẫn xuất	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)
71	Dichlorprop	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)
72	Fenoprop	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)
73	Hydroxyatrazine	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
74	Isoproturon	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
75	MCPA	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)
76	Mecoprop	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
77	Methoxychlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
78	Molinate	≤ 6	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
79	Pendimethalin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
80	Permethrin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
81	Propanil	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
82	Simazine	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)
83	Trifluralin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
84	2,4,6 – Triclorophenol	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
85	Bromat	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)
86	Bromodichloromethane	≤ 60	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
87	Bromoform	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
88	Chloroform	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
89	Dibromoacetonitrile	≤ 70	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
90	Dibromochloromethane	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
91	Dichloroacetonitrile	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
92	Dichloroacetic acid	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
93	Formaldehyde	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)
94	Monochloramine	≤ 3000	µg/L	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)
95	Monochloroacetic acid	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
96	Trichloroacetic acid	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
97	Trichloroaxetonitril	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	≤ 0,1	Bq/L	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	≤ 1,0	Bq/L	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	121 xóm 2 Khu Tái Định cư Ngoc Giang (1225.60.11.2)	Thanh Nghĩa khu X2 Đông Trù (1225.60.11.3)	Nguyễn Xuân Trường đội 10 Hậu Dưỡng (1225.60.11.4)	Trần Văn Thêm đội 10 Hậu Dưỡng (1225.60.11.5)	Số 15X2 Đông Trù (1225.60.11.6)	15 Trường Sa (1225.60.11.7)	Số 4 Khu Tái Định Cư Đông Hội (1225.60.11.8)	Đinh Văn Phú 125 Ngọc Chi (1225.60.11.9)	Nguyễn Văn Trinh Đội 8 Hậu Dưỡng (1225.60.11.10)	37 Trường Sa - Đông Trù (1225.60.11.11)	Lê Thị Ánh Đội 8 Hậu Dưỡng (1225.60.11.12)	Bơm II Pháp Vân (1225.60.12)
1	Mùi	*Không có mùi lạ*	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
2	Màu sắc	*15*	TCU	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)
3	Độ đục	*2*	NTU	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	0.367	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10	<0.10
4	pH	*6.0-8.5*	mg/l	7.62	7.71	7.68	7.67	7.74	7.78	7.86	7.77	7.83	7.78	7.74	7.41
5	Amoni	*1*	mg/l	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)
6	Nitrit	*0.9*	mg/l	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)
7	Nitrat	*11*	mg/l	0.6	0.8	0.5	0.9	0.6	0.6	0.5	0.7	0.5	0.6	0.5	0.5
8	Clorua (Cl-)	*250*	mg/l	5.76	6.1	6.1	8.47	7.46	7.12	5.76	5.76	6.44	6.67	10.67	9.83
9	Độ cứng, tính theo CaCO3	*300*	mg/l	100	109	106	105	99	113	104	105	97	100	102	97
10	Sắt	*0.3*	mg/l	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	<0.05	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)
11	Mangan (Mn)	*0.1*	CFU/100ml	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	<0.0034	0.0047
12	Asen (Arsenic)	*0.01*	CFU/100ml	0.0016	0.0016	0.0009	<0.0007	0.0008	0.0017	0.0016	0.0014	0.001	0.0015	0.0008	0.0013
13	Coliforms	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	E.coli	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tụ cầu vàng	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	TKMX	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Clo dư tự do	*0.2-1.0*	mg/L	0.21	0.24	0.26	0.24	0.22	0.21	0.21	0.22	0.23	0.21	0.25	0.44
18	Chỉ số pecmanganat	≤ 2	mg/L	< 1,50	< 1,50	< 1,50	< 1,50	< 1,50	< 1,50	< 1,50	< 1,50	< 1,50	< 1,50	< 1,50	1,68
19	Antimon (Sb)	≤ 0,02	mg/L	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)
20	Bari (Ba)	≤ 1,3	mg/L	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030
21	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	≤ 2,4	mg/L	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)
22	Cadmi (Cd)	≤ 0,003	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
23	Chì (Plumbum) (Pb)	≤ 0,01	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
24	Chromi (Cr)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
25	Đồng (Cuprum) (Cu)	≤ 1	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
26	Fluor (F)	≤ 1,5	mg/L	0,172	0,188	0,196	0,174	0,201	0,179	0,183	0,234	0,180	0,184	0,185	0,238
27	Kẽm (Zincum) (Zn)	≤ 2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
28	Natri (Na)	≤ 200	mg/L	3,26	3,32	3,33	3,30	3,29	3,31	3,13	3,31	3,34	3,22	3,31	4,66
29	Nhôm (Aluminium) (Al)	≤ 0,2	mg/L	0,076	0,073	0,074	0,086	0,078	0,064	0,070	0,067	0,056	0,047	0,034	KPH (GHPH = 0,010)
30	Nickel (Ni)	≤ 0,07	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	121 xóm 2 Khu Tái Định cư Ngọc Giang (1225.60.11.2)	Thanh Nghĩa khu X2 Đông Trù (1225.60.11.3)	Nguyễn Xuân Trường đội 10 Hậu Dưỡng (1225.60.11.4)	Trần Văn Thêm đội 10 Hậu Dưỡng (1225.60.11.5)	Số 15X2 Đông Trù (1225.60.11.6)	15 Trường Sa (1225.60.11.7)	Số 4 Khu Tái Định Cư Đông Hội (1225.60.11.8)	Đinh Văn Phú 125 Ngọc Chi (1225.60.11.9)	Nguyễn Văn Trình Đội 8 Hậu Dưỡng (1225.60.11.10)	37 Trường Sa - Đông Trù (1225.60.11.11)	Lê Thị Ánh Đội 8 Hậu Dưỡng (1225.60.11.12)	Bơm II Pháp Vân (1225.60.12)
31	Seleni (Se)	≤ 0,04	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	< 0,030	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
32	Sunphat	≤ 250	mg/L	7,07	7,66	6,92	6,90	6,93	6,95	6,88	6,84	6,84	6,65	6,54	8,11
33	Sunfua	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)
34	Thuỷ ngân (Hydrargyrum) (Hg)	≤ 0,001	mg/L	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	≤ 1000	mg/L	112	347	346	346	347	346	256	110	112	109	110	117
36	Xyanua (CN^-)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)
37	1,1,1 – Tricloroetan	≤ 2000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
38	1,2 – Dicloroetan	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
39	1,2 – Dicloroeten	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
40	Cacbontetraclorua	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
41	Diclorometan	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
42	Tetracloroeten	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
43	Tricloroeten	≤ 8	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
44	Vinyl clorua	≤ 0,3	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
45	Benzen	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
46	Etylbenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
47	Pentachlorophenol	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
48	Styren	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
49	Toluen	≤ 700	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
50	Xylen	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
51	1,2 – Diclorobenzen	≤ 1000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
52	Monoclorobenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
53	Tổng Triclorobenzen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
54	Acrylamide	≤ 0,5	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
55	Epiclohydrin	≤ 0,4	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
56	Hexacloro butadien	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
57	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
58	1,2 – Dicloropropan	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
59	1,3 – Dichloropropen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
60	2,4 – D	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
61	2,4 – DB	≤ 90	µg/L	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)
62	Alachlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
63	Aldicarb	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	121 xóm 2 Khu Tái Định cư Ngọc Giang (1225.60.11.2)	Thanh Nghĩa khu X2 Đông Trù (1225.60.11.3)	Nguyễn Xuân Trường đội 10 Hậu Dưỡng (1225.60.11.4)	Trần Văn Thêm đội 10 Hậu Dưỡng (1225.60.11.5)	Số 15X2 Đông Trù (1225.60.11.6)	15 Trường Sa (1225.60.11.7)	Số 4 Khu Tái Định Cư Đông Hội (1225.60.11.8)	Đinh Văn Phú 125 Ngọc Chi (1225.60.11.9)	Nguyễn Văn Trinh Đội 8 Hậu Dưỡng (1225.60.11.10)	37 Trường Sa - Đông Trù (1225.60.11.11)	Lê Thị Ánh Đội 8 Hậu Dưỡng (1225.60.11.12)	Bơm II Pháp Vân (1225.60.12)
65	Carbofuran	≤ 5	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
66	Chlorpyrifos	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
67	Clodane	≤ 0,2	µg/L	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)
68	Clorotoluron	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
69	Cyanazine	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)
70	DDT và các dẫn xuất	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)
71	Dichlorprop	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)
72	Fenoprop	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)
73	Hydroxyatrazine	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
74	Isoproturon	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
75	MCPA	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)
76	Mecoprop	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
77	Methoxychlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
78	Molinate	≤ 6	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
79	Pendimethalin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
80	Permethrin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
81	Propanil	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
82	Simazine	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)
83	Trifluralin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
84	2,4,6 – Triclorophenol	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
85	Bromat	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)
86	Bromodichloromethane	≤ 60	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
87	Bromoform	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
88	Chloroform	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
89	Dibromoacetonitrile	≤ 70	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
90	Dibromochloromethane	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
91	Dichloroacetonitrile	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
92	Dichloroacetic acid	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
93	Formaldehyde	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)
94	Monochloramine	≤ 3000	µg/L	< 150	< 150	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	< 150	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	< 150
95	Monochloroacetic acid	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
96	Trichloroacetic acid	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
97	Trichloroaxetonitril	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	≤ 0,1	Bq/L	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	≤ 1,0	Bq/L	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Chung cư Vinh Hạnh - Thanh Trì (1225.60.12.1)	Chung cư Hòa Phát - 493 Trương Định (1225.60.12.2)	Chung cư 60 Nguyễn Đức Cảnh (1225.60.12.3)	Chung cư Phương Đông - Số 1 Trần Thủ Độ (1225.60.12.4)	Bơm II Ngọc Hà (1225.60.2)	288 Đội Cấn (1226.60.2.1)	107 Đốc Ngữ (1225.60.2.2)	Số 12 ngõ 12 Đào Tấn (1225.60.2.3)	Số 8 ngõ 7 Phan Kế Bính (1225.60.2.4)	Bơm II Thụy Khuê (1225.60.18)	170 Ngọc Hà (1225.60.18.1)	267/ 36 Hoàng Hoa Thám (1225.60.18.2)
1	Mùi	*Không có mùi lạ*	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
2	Màu sắc	*15*	TCU	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)
3	Độ đục	*2*	NTU	<0.10	0.117	<0.10	<0.10	0.332	0.263	0.315	0.215	0.277	<0.10	<0.10	<0.10
4	pH	*6.0-8.5*	mg/l	7.42	7.41	7.52	7.61	7.42	8.23	8.14	8.12	8.05	7.64	7.65	7.87
5	Amoni	*1*	mg/l	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	0.47	0.16	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)
6	Nitrit	*0.9*	mg/l	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	0.14	0.14	0.14	0.14	0.1	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	0.3
7	Nitrat	*11*	mg/l	0.5	0.5	0.5	0.4	3.6	3.2	2.9	2.2	2.6	1.1	0.9	1.4
8	Clorua (Cl-)	*250*	mg/l	10.17	9.15	9.83	9.15	30.51	30.51	30.17	30.51	30.17	33	32	30
9	Độ cứng, tính theo CaCO3	*300*	mg/l	95	95	97	100	121	119	121	125	121	202	201	182
10	Sắt	*0.3*	mg/l	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	<0.05	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	<0.05
11	Mangan (Mn)	*0.1*	CFU/100ml	0.0057	0.0072	0.0067	0.0063	0.0134	0.0188	0.0229	0.0188	0.0156	<0.0034	<0.0034	0.0066
12	Asen (Arsenic)	*0.01*	CFU/100ml	0.0022	0.0019	0.0013	0.0011	0.0018	0.0013	0.0019	0.0017	0.0018	0.0078	0.0075	0.0047
13	Coliforms	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	E.coli	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tụ cầu vàng	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	TKMX	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Clo dư tự do	*0.2-1.0*	mg/L	0.26	0.3	0.21	0.31	0.38	0.22	0.2	0.2	0.23	0.42	0.26	0.23
18	Chỉ số pecmanganat	≤ 2	mg/L	1,66	1,74	1,57	1,57	1,63	1,71	1,77	1,71	1,57	< 1,50	< 1,50	< 1,50
19	Antimon (Sb)	≤ 0,02	mg/L	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)
20	Bari (Ba)	≤ 1,3	mg/L	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	< 0,030	0,089	0,087	0,066
21	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	≤ 2,4	mg/L	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)
22	Cadmi (Cd)	≤ 0,003	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
23	Chì (Plumbum) (Pb)	≤ 0,01	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
24	Chromi (Cr)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
25	Đồng (Cuprum) (Cu)	≤ 1	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
26	Fluor (F)	≤ 1,5	mg/L	0,226	0,285	0,252	0,250	0,225	0,238	0,213	0,255	0,216	0,239	0,202	0,219
27	Kẽm (Zincum) (Zn)	≤ 2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
28	Natri (Na)	≤ 200	mg/L	4,68	4,59	4,63	4,54	54,2	54,0	54,6	55,0	54,4	19,8	20,1	32,8
29	Nhôm (Aluminium) (Al)	≤ 0,2	mg/L	0,052	0,055	0,063	0,060	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
30	Nickel (Ni)	≤ 0,07	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Chung cư Vinh Hạnh - Thanh Trì (1225.60.12.1)	Chung cư Hỏa Phát - 493 Trương Định (1225.60.12.2)	Chung cư 60 Nguyễn Đức Cảnh (1225.60.12.3)	Chung cư Phương Đông - Số 1 Trần Thủ Độ (1225.60.12.4)	Bơm II Ngọc Hà (1225.60.2)	288 Đội Cấn (1226.60.2.1)	107 Đốc Ngữ (1225.60.2.2)	Số 12 ngõ 12 Đào Tấn (1225.60.2.3)	Số 8 ngõ 7 Phan Kế Bính (1225.60.2.4)	Bơm II Thụy Khuê (1225.60.18)	170 Ngọc Hà (1225.60.18.1)	267/ 36 Hoàng Hoa Thám (1225.60.18.2)
31	Seleni (Se)	≤ 0,04	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	< 0,003
32	Sunphat	≤ 250	mg/L	8,12	8,36	8,44	8,54	6,03	5,89	5,91	5,60	4,74	11,4	11,4	9,46
33	Sunfua	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)
34	Thuỷ ngân (Hydrargyrum) (Hg)	≤ 0,001	mg/L	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	≤ 1000	mg/L	116	117	116	115	242	242	242	243	240	262	261	252
36	Xyanua (CN^-)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)
37	1,1,1 – Tricloroetan	≤ 2000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
38	1,2 – Dicloroetan	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
39	1,2 – Dicloroeten	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
40	Cacbontetraclorua	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
41	Diclorometan	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
42	Tetracloroeten	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
43	Tricloroeten	≤ 8	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
44	Vinyl clorua	≤ 0,3	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
45	Benzen	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
46	Etylbenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
47	Pentachlorophenol	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
48	Styren	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
49	Toluen	≤ 700	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
50	Xylen	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
51	1,2 – Diclorobenzen	≤ 1000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
52	Monoclorobenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
53	Tổng Triclorobenzen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
54	Acrylamide	≤ 0,5	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
55	Epiclohydrin	≤ 0,4	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
56	Hexacloro butadien	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
57	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
58	1,2 – Dicloropropan	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
59	1,3 – Dichloropropen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
60	2,4 – D	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
61	2,4 – DB	≤ 90	µg/L	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)
62	Alachlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
63	Aldicarb	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Chung cư Vinh Hạnh - Thanh Trì (1225.60.12.1)	Chung cư Hòa Phát - 493 Trương Định (1225.60.12.2)	Chung cư 60 Nguyễn Đức Cảnh (1225.60.12.3)	Chung cư Phương Đông - Số 1 Trần Thủ Độ (1225.60.12.4)	Bơm II Ngọc Hà (1225.60.2)	288 Đội Cấn (1226.60.2.1)	107 Đốc Ngữ (1225.60.2.2)	Số 12 ngõ 12 Đào Tấn (1225.60.2.3)	Số 8 ngõ 7 Phan Kế Bính (1225.60.2.4)	Bơm II Thụy Khuê (1225.60.18)	170 Ngọc Hà (1225.60.18.1)	267/ 36 Hoàng Hoa Thám (1225.60.18.2)
65	Carbofuran	≤ 5	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
66	Chlorpyrifos	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
67	Clodane	≤ 0,2	µg/L	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)
68	Clorotoluron	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
69	Cyanazine	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)
70	DDT và các dẫn xuất	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)
71	Dichlorprop	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)	KPH (GHPH = 20.0)
72	Fenoprop	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)	KPH (GHPH = 0.10)
73	Hydroxyatrazine	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
74	Isoproturon	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
75	MCPA	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)	KPH (GHPH = 0.5)
76	Mecoprop	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
77	Methoxychlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
78	Molinate	≤ 6	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
79	Pendimethalin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
80	Permethrin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
81	Propanil	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
82	Simazine	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)
83	Trifluralin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
84	2,4,6 – Triclorophenol	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)	KPH (GHPH = 1.0)
85	Bromat	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)	KPH (GHPH = 3.0)
86	Bromodichloromethane	≤ 60	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
87	Bromoform	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
88	Chloroform	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
89	Dibromoacetonitrile	≤ 70	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
90	Dibromochloromethane	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
91	Dichloroacetonitrile	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
92	Dichloroacetic acid	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
93	Formaldehyde	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)
94	Monochloramine	≤ 3000	µg/L	< 150	< 150	< 150	KPH (GHPH = 50.0)	485	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	KPH (GHPH = 50.0)	< 150	< 150	KPH (GHPH = 50.0)
95	Monochloroacetic acid	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
96	Trichloroacetic acid	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)	KPH (GHPH = 5.0)
97	Trichloroaxetonitril	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)	KPH (GHPH = 0.20)
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	≤ 0,1	Bq/L	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	≤ 1,0	Bq/L	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)	KPH (GHPH = 0.05)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Vân Đồn (1225.60.13)	Số 2 Vân Đồn (1225.60.13.1)	831 Bạch Đằng (1225.60.13.2)	Bơm II (1225.60.19)	143 Đông Mỹ (1225.60.19.1)	51B đường Trường Thọ (1225.60.19.2)	Bơm II Hồng Vân (1225.60.20)	Đỗ Thị Thơ-Vân Hòa- Hồng Vân (1225.60.20.1)	124 Vân Hòa-Hồng Vân (1225.60.20.2)	Bơm II Bạch Mai (1225.60.17)	Số 7 ngách 38 ngõ 15 Phương Mai (1225.60.17.1)	Số 2 ngách 38 ngõ 15 Phương Mai (1225.60.17.2)
1	Mùi	*Không có mùi lạ*	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
2	Màu sắc	*15*	TCU	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	KPH (LOD= 3 TCU)	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5
3	Độ đục	*2*	NTU	<0.10	<0.10	<0.10	0.312	0.235	0.166	0.247	0.361	0.408	0.167	0.153	0.2
4	pH	*6.0-8.5*	mg/l	7.27	7.42	7.31	7.49	7.45	7.47	7.37	7.36	7.34	7.34	7.36	7.4
5	Amoni	*1*	mg/l	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	0.78	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.08)	0.16	KPH (LOD=0.08)	0.16
6	Nitrit	*0.9*	mg/l	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.02)	0.15	0.8	0.16	KPH (LOD=0.02)	0.16
7	Nitrat	*11*	mg/l	0.3	0.4	0.3	0.5	0.4	0.4	1.4	0.7	2.2	0.8	0.7	0.6
8	Clorua (Cl-)	*250*	mg/l	12.07	10	11.03	13.9	13.9	13.56	19.66	20	20.68	9.49	9.66	9.66
9	Độ cứng, tính theo CaCO3	*300*	mg/l	157	138	158	98	98	102	143	145	147	114	93	95
10	Sắt	*0.3*	mg/l	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.01)	<0.05	KPH (LOD=0.01)	<0.05	<0.05	0.05	<0.05	KPH (LOD=0.01)	<0.05
11	Mangan (Mn)	*0.1*	CFU/100ml	<0.0034	<0.0034	<0.0034	0.0314	0.0141	0.0198	<0.0034	0.0071	0.0058	0.0036	0.0035	0.0055
12	Asen (Arsenic)	*0.01*	CFU/100ml	0.0097	0.0094	0.0088	0.0016	0.0021	0.0017	0.0066	0.0067	0.0055	0.0055	0.0049	0.0055
13	Coliforms	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	E.coli	*< 1*	CFU/100ml	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tụ cầu vàng	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	TKMX	*< 1*	mg/L	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Clo dư tự do	*0.2-1.0*	mg/L	0.47	0.26	0.23	0.35	0.21	0.21	0.32	0.21	0.2	0.35	0.26	0.22
18	Chỉ số pecmanganat	≤ 2	mg/L	1,71	1,80	1,77	1,86	1,75	1,69	1,72	1,83	1,75	1,76	1,87	1,79
19	Antimon (Sb)	≤ 0,02	mg/L	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)	KPH (GHPH = 0,003)
20	Bari (Ba)	≤ 1,3	mg/L	0,057	0,038	0,052	0,041	0,041	0,042	0,032	0,037	0,044	< 0,030	0,059	< 0,030
21	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	≤ 2,4	mg/L	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)	KPH (GHPH = 0,030)
22	Cadmi (Cd)	≤ 0,003	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
23	Chì (Plumbum) (Pb)	≤ 0,01	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)
24	Chromi (Cr)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
25	Đồng (Cuprum) (Cu)	≤ 1	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
26	Fluor (F)	≤ 1,5	mg/L	0,247	0,257	0,247	0,251	0,246	0,260	0,437	0,437	0,414	0,259	0,361	0,245
27	Kẽm (Zincum) (Zn)	≤ 2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)
28	Natri (Na)	≤ 200	mg/L	10,7	7,57	10,5	9,79	8,48	8,49	36,2	36,5	36,6	6,63	19,4	6,53
29	Nhôm (Aluminium) (Al)	≤ 0,2	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	0,034	< 0,030	< 0,030	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	0,042	KPH (GHPH = 0,010)	0,044
30	Nickel (Ni)	≤ 0,07	mg/L	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)	KPH (GHPH = 0,010)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Vân Đồn (1225.60.13)	Số 2 Vân Đồn (1225.60.13.1)	831 Bạch Đằng (1225.60.13.2)	Bơm II (1225.60.19)	143 Đông Mỹ (1225.60.19.1)	51B đường Trường Thọ (1225.60.19.2)	Bơm II Hồng Vân (1225.60.20)	Đỗ Thị Thơ-Vân Hòa- Hồng Vân (1225.60.20.1)	124 Vân Hòa-Hồng Vân (1225.60.20.2)	Bơm II Bạch Mai (1225.60.17)	Số 7 ngách 38 ngõ 15 Phương Mai (1225.60.17.1)	Số 2 ngách 38 ngõ 15 Phương Mai (1225.60.17.2)
31	Seleni (Se)	≤ 0,04	mg/L	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	< 0,003	KPH (GHPH = 0,001)	KPH (GHPH = 0,001)	< 0.003	< 0.003
32	Sunphat	≤ 250	mg/L	9,87	10,9	13,9	8,37	8,45	8,36	17,9	9,04	8,97	6,39	7,51	6,47
33	Sunfua	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)	KPH (GHPH = 0,015)
34	Thuỷ ngân (Hydrargyrum) (Hg)	≤ 0,001	mg/L	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)	KPH (GHPH = 0,0003)
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	≤ 1000	mg/L	186	154	186	138	133	132	236	236	235	112	139	138
36	Xyanua (CN^-)	≤ 0,05	mg/L	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)	KPH (GHPH = 0,005)
37	1,1,1 – Tricloroetan	≤ 2000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
38	1,2 – Dicloroetan	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
39	1,2 – Dicloroeten	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
40	Cacbontetraclorua	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
41	Diclorometan	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
42	Tetracloroeten	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
43	Tricloroeten	≤ 8	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
44	Vinyl clorua	≤ 0,3	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
45	Benzen	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
46	Etylbenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
47	Pentachlorophenol	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
48	Styren	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
49	Toluen	≤ 700	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
50	Xylen	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
51	1,2 – Diclorobenzen	≤ 1000	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
52	Monoclorobenzen	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
53	Tổng Triclorobenzen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
54	Acrylamide	≤ 0,5	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
55	Epiclohydrin	≤ 0,4	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
56	Hexacloro butadien	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
57	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
58	1,2 – Dicloropropan	≤ 40	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
59	1,3 – Dichloropropen	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
60	2,4 – D	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
61	2,4 – DB	≤ 90	µg/L	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)
62	Alachlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
63	Aldicarb	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU 99 CHỈ TIÊU CHO NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA CÁC NHÀ MÁY, TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép	Đơn vị	Bơm II Vân Đồn (1225.60.13)	Số 2 Vân Đồn (1225.60.13.1)	831 Bạch Đằng (1225.60.13.2)	Bơm II (1225.60.19)	143 Đông Mỹ (1225.60.19.1)	51B đường Trường Thọ (1225.60.19.2)	Bơm II Hồng Vân (1225.60.20)	Đỗ Thị Thơ-Vân Hòa- Hồng Vân (1225.60.20.1)	124 Vân Hòa-Hồng Vân (1225.60.20.2)	Bơm II Bạch Mai (1225.60.17)	Số 7 ngách 38 ngõ 15 Phương Mai (1225.60.17.1)	Số 2 ngách 38 ngõ 15 Phương Mai (1225.60.17.2)
65	Carbofuran	≤ 5	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
66	Chlorpyrifos	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
67	Clodane	≤ 0,2	µg/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)
68	Clorotoluron	≤ 30	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
69	Cyanazine	≤ 0,6	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
70	DDT và các dẫn xuất	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)
71	Dichlorprop	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)	KPH (GHPH = 20,0)
72	Fenoprop	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)	KPH (GHPH = 0,10)
73	Hydroxyatrazine	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)	KPH (GHPH = 50)
74	Isoproturon	≤ 9	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
75	MCPA	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)	KPH (GHPH = 0,5)
76	Mecoprop	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
77	Methoxychlor	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
78	Molinate	≤ 6	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
79	Pendimethalin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
80	Permethrin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
81	Propanil	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
82	Simazine	≤ 2	µg/L	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)
83	Trifluralin	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
84	2,4,6 – Triclorophenol	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)	KPH (GHPH = 1,0)
85	Bromat	≤ 10	µg/L	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)	KPH (GHPH = 3,0)
86	Bromodichloromethane	≤ 60	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
87	Bromoform	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
88	Chloroform	≤ 300	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
89	Dibromoacetonitrile	≤ 70	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
90	Dibromochloromethane	≤ 100	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
91	Dichloroacetonitrile	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
92	Dichloroacetic acid	≤ 50	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
93	Formaldehyde	≤ 500	µg/L	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)	KPH (GHPH = 100)
94	Monochloramine	≤ 3000	µg/L	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	< 150	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	KPH (GHPH = 50,0)	< 150	KPH (GHPH = 50,0)	205,0
95	Monochloroacetic acid	≤ 20	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
96	Trichloroacetic acid	≤ 200	µg/L	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)	KPH (GHPH = 5,0)
97	Trichloroaxetonitril	≤ 1	µg/L	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)	KPH (GHPH = 0,20)
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	≤ 0,1	Bq/L	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)	KPH (GHPH = 0,025)
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	≤ 1,0	Bq/L	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)	KPH (GHPH = 0,05)